

# A tous les **conducteurs étrangers** qui roulent au Japon

An alle **ausländischen Kraftfahrer/innen**, die in Japan fahren

Dành cho **tài xế người nước ngoài** lái xe tại Nhật Bản

Ces dernières années, on constate une augmentation des accidents traumatisants, voire mortels, impliquant des conducteurs étrangers. Les conditions routières varient en fonction des pays, mais au Japon, de nombreux étrangers se plaignent de la conduite à gauche, de l'étroitesse des routes et d'une signalisation peu compréhensible.

In den letzten Jahren haben Verkehrsunfälle mit tödlichen Verletzungen von ausländischen Fahrern zugenommen. Die Verkehrslage ist je nach Land sehr unterschiedlich, aber man hört von vielen Ausländern folgende Kommentare zur Situation in Japan: „Es herrscht Linksverkehr und die Straßen sind für unser Gefühl sehr eng.“ „Die Verkehrsschilder sind schwer zu verstehen.“

Những năm gần đây, tai nạn thương vong về người liên quan đến tài xế người nước ngoài đang tăng lên. Tình trạng đường xá sẽ khác nhau tùy vào mỗi quốc gia, có rất nhiều ý kiến từ người nước ngoài rằng tại Nhật Bản thì “Đi bên trái nên cảm thấy đường xá bị hẹp lại”, “Biển báo chỉ đường khó hiểu”.



Attention aux accidents, conduisez prudemment !

Fahren Sie so, dass Sie bewusst Unfälle und Gefahrensituationen vermeiden!

Hãy lưu ý về những tai nạn và rắc rối để lái xe!

## Documents

Berechtigung zur Teilnahme am Straßenverkehr in Japan

Giấy phép

Les personnes ne possédant pas de permis de conduire japonais, ont besoin de soit « un permis de conduire international », soit « un permis de conduire étranger + la traduction en japonais »

Wenn Sie keinen japanischen Führerschein besitzen, dann benötigen Sie entweder einen „Internationalen Führerschein“ oder einen „Ausländischen Führerschein mit beigefügter Übersetzung ins Japanische“.

Những người không có giấy phép lái xe của Nhật Bản cần phải có “Giấy phép lái xe quốc tế” hoặc “Giấy phép lái xe nước ngoài + Bản dịch”



Permis de conduire international  
Internationaler Führerschein  
Giấy phép lái xe quốc tế

Un permis de conduire international des pays signataires de la Convention de Genève de 1949.

Ein internationaler Führerschein nach dem Genfer Abkommen von 1949

Giấy phép lái xe quốc tế của những nước ký kết Công ước Geneve năm 1949

Ou  
oder aber  
Hoặc



Un permis de conduire étranger + la traduction en japonais  
ein ausländischer Führerschein mit beigefügter Übersetzung ins Japanische.  
Giấy phép lái xe nước ngoài + Bản dịch

Les permis de conduire émis par l'Estonie, la Suisse, l'Allemagne, la France, la Belgique, Monaco et Taiwan, ainsi que leur traduction en japonais

In den Ländern Estland, der Schweiz, Deutschland, Frankreich, Belgien, Monaco und Taiwan ausgestellte Führerscheine mit beigefügter Übersetzung ins Japanische.

Bản dịch của giấy phép lái xe đã được cấp tại Estonia, Thụy Sĩ, Đức, Pháp, Bỉ, Đài Loan hoặc giấy phép lái xe tương đương

Quel que soit le permis, il sera valide pendant un an à partir de votre date d'entrée au Japon, dans la limite de la date de validité de votre permis de conduire. In jedem dieser Fälle beschränkt sich die Gültigkeit der Fahrerlaubnis auf ein Jahr nach der Einreise in Ja und dann gilt der Führerschein nur bis zu seinem Gültigkeitsdatum.

Bất kể trường hợp nào cũng chỉ có thời hạn hiệu lực trong vòng 1 năm từ ngày nhập cảnh vào Nhật Bản và nằm trong thời hạn hiệu lực của Giấy phép lái xe

## Principes fondamentaux

Grundsätzliches

Cơ bản

Règles fondamentales de circulation routière pour ne pas provoquer d'accident

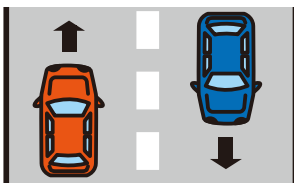
Grundsätzliche Verkehrsregeln zur Vermeidung von Unfällen

Quy tắc giao thông cơ bản để không gây ra tai nạn

Les véhicules circulent à gauche

Es herrscht Linksverkehr.

Xe ô tô thì đi bên trái



Le Japon est l'un des rares pays où l'on circule à gauche

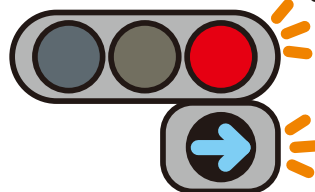
In Japan herrscht anders als in anderen Ländern der Welt üblich Linksverkehr.

Nhật Bản là một số ít quốc gia trên thế giới đi bên trái

Au feu rouge, on s'arrête !

Eine rote Ampel signalisiert „Halt!“

Màu đỏ của đèn tín hiệu thì “Dừng lại”



Si une flèche verte s'affiche, vous pouvez avancer dans la direction indiquée

Wenn zusätzlich ein grüner Pfeil angezeigt ist, kann man in der Richtung des Pfeils weiterfahren.

Trường hợp mũi tên màu xanh hiển thị thì có thể đi theo hướng mũi tên

Panneau « STOP »

Verkehrszeichen „Kurz anhalten“

Biển báo “Tạm dừng”



A hauteur de ce panneau, vous devez momentanément marquer un arrêt complet

Wenn Sie das Verkehrszeichen „Kurz anhalten“ sehen, müssen Sie einmal anhalten.

Nếu nhìn thấy ký hiệu này, hãy tạm dừng hoàn toàn lại



警察庁

National Police Agency

都道府県警察

Prefectural Police

交通ルールを守って  
つながる笑顔



**Exemples**

Beispiele für Situationen

Ví dụ thực tế

Exemples typiques d'accidents ou d'infractions récurrents

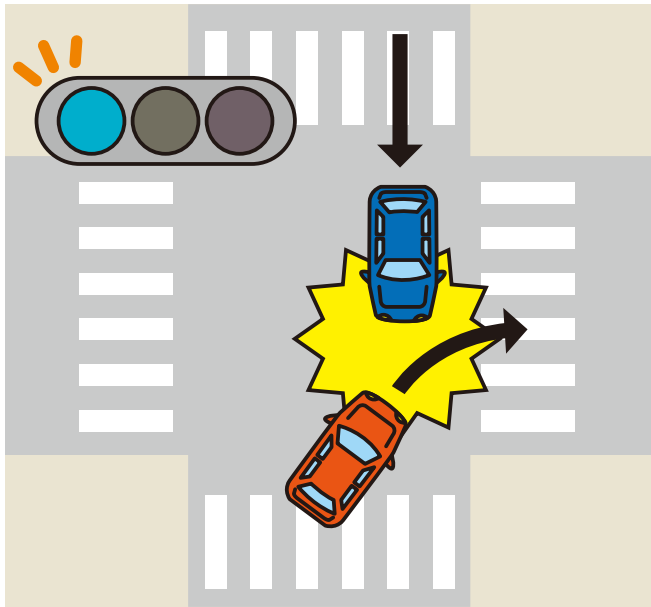
Beispiele für leicht vorkommende Unfälle und Verstöße gegen die Verkehrsordnung

Ví dụ điển hình về tai nạn và vi phạm dễ xảy ra

Les accidents provoqués en tournant à droite

Unfälle beim Rechtsabbiegen

Tai nạn khi rẽ phải



Au moment de tourner à droite à un carrefour, faites bien attention aux voitures arrivant en sens inverse.

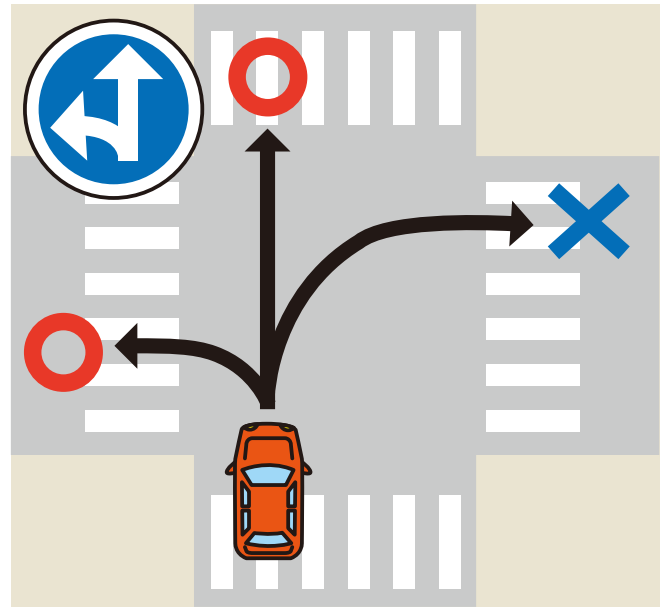
Achten Sie beim Rechtsabbiegen auf den Gegenverkehr

Trường hợp muốn rẽ phải tại giao lộ thì hãy chú ý xe chạy ngược chiều

Directions obligatoires à la prochaine intersection

Fahren entgegen der vorgeschriebenen Fahrtrichtung

Đi ngoài hướng chỉ định



A l'approche d'un panneau « Directions obligatoires à la prochaine intersection », vous ne pouvez avancer que dans les directions indiquées

„Verbot des Fahrens in eine andere Richtung als die vorgeschriebene Richtung“ wenn Sie dieses Schild sehen, fahren Sie bitte nur in die Richtung, die der Pfeil anzeigt.

Trường hợp có biển báo "Cấm đi ngoài hướng chỉ định" thì chỉ có thể đi theo hướng mũi tên

**Interdictions**

Verbote

Nghiêm cấm

Les autres règles de circulation routière à connaître

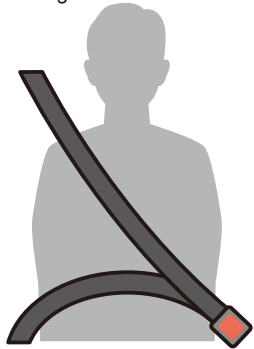
Verkehrsregeln, die Sie kennen sollten

Quy tắc giao thông nên biết

Port de la ceinture obligatoire pour tous les passagers

Schnallen Sie sich auf allen Sitzplätzen mit einem Sicherheitsgurt an

Hãy thắt dây an toàn ở tất cả các chỗ ngồi



Ne jamais conduire après avoir consommé de l'alcool

Nach dem Genuss von Alkohol dürfen Sie nicht fahren.

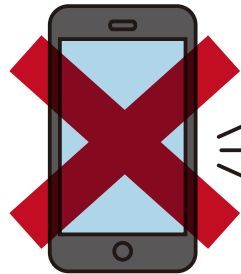
Không được lái xe sau khi uống rượu bia



Ne jamais utiliser son téléphone portable au volant

Sie dürfen während des Fahrens nicht mit dem Handy telefonieren.

Không được sử dụng điện thoại di động trong khi lái xe



Ne jamais conduire avec un casque sur les oreilles

auch eine Freisprechanlage darf nicht benutzt werden.

Không được đeo tai nghe khi lái xe



**Prévenez tout de suite les services d'urgence !**

En cas d'ennuis ou d'accident, veuillez prévenir la police (composez le 110). Par ailleurs, en cas de blessé(s), veuillez appeler une ambulance (composez le 119).

Sie müssen unverzüglich die Polizei oder den Rettungsdienst informieren!

Bei Streitigkeiten oder einem Verkehrsunfall benachrichtigen Sie die Polizei. (Rufnummer 110) und bei Personenschäden rufen Sie den Rettungswagen (Rufnummer 119)

Hãy nhanh chóng thông báo!

Khi phát sinh rắc rối hoặc tai nạn thì hãy liên hệ cho cảnh sát (số 110). Và trường hợp có người bị thương thì hãy gọi xe cấp cứu (số 119).

